

Bản án số: 398/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 4 - 2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Soan

bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021.

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964

Địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Đỗ Trung O, sinh năm 1964

Nơi cư trú cuối cùng:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Trung O có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số: 000520H, quyền số: 01/1989 ngày 01 tháng 8 năm 1989. Bà H và ông O có 02 con chung là Đỗ Trung T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1989 và Đỗ Trung T, sinh ngày 25

tháng 02 năm 1998, cả hai con đã trưởng thành. Trong quá trình chung sống bà H và ông O có nhiều mâu thuẫn trầm trọng về quan điểm sống, ông O đã bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2012. Bà H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông O mất tích và đã có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 402/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với người mất tích là ông O để ổn định cuộc sống. Về tài sản chung, nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông O, triệu tập ông O để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông O không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. bà H vẫn xin được giải quyết ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để triệu tập ông O tham gia phiên tòa, ông O vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 00052OH, quyền số: 01/1989 ngày 01 tháng 8 năm 1989 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và Đỗ Trung O đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông O là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông O là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ

vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu ly hôn của bà H thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân là do vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, ông O bỏ nhà ra đi từ năm 2012, hiện nay ông O đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Như vậy, cho thấy vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà H được ly hôn với ông O, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà H được ly hôn với ông O, quan hệ hôn nhân chấm dứt khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: con chung là Đỗ Trung T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1989 và Đỗ Trung T, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1998, cả hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí HNST: bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 203, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đỗ Trung O. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 00052OH, quyền số: 01/1989 ngày 01 tháng 8 năm 1989 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Trung O chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: con chung là Đỗ Trung T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1989 và Đỗ Trung T, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1998, cả hai con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), bà H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà H đã tạm nộp án phí theo biên lai số: AA/2019/0027760 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV;
- THA DS q. GV;
- UBND quận GV, Tp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn